TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2024/DS-ST Ngày: 28/6/2024 V/v: *"tranh chấp hợp đồng tín dụng".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồng Quang Minh;

2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc "*tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N1 (A). Địa chỉ: số B đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Tiến D, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N1 chi nhánh huyện Q, Quảng Nam.

Địa chỉ: số C đường T, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

3. Bị đơn: ông Lưu Văn N, sinh năm 1965.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đỗ Thị L, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: thôn D (nay là D), xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông D trình bày: vào ngày 17/7/2020, ông Lưu Văn N vay tín dụng tại Ngân hàng N1 - chi nhánh huyện Q số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay: chăn nuôi trồng trọt, thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất: 9,5%/năm, lãi suất quá hạn: 14,25%/năm theo Hợp đồng tín dụng số 4206LAV202000857. Phân kỳ trả nợ như sau: ngày 17/7/2021 trả 5.000.000 đồng tiền gốc; ngày 17/7/2022 trả 5.000.000 đồng tiền gốc; ngày 17/7/2023 trả 90.000.000 đồng tiền gốc và trả lãi 06 tháng/kỳ. Tuy nhiên, đến ngày 17/7/2023, ông N không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận, A chi nhánh Q đã nhiều lần yêu cầu ông N trả nợ nhưng không có kết quả. Vì vậy, A chi nhánh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N có nghĩa vụ trả cho A chi nhánh Q tổng số tiền 104.543.408 đồng, trong đó nợ gốc 89.926.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.345.186 đồng, nợ lãi quá hạn 4.060.836 đồng, lãi chậm trả 211.386 đồng, tính đến ngày 28/6/2024. Ông D không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2024, bị đơn - ông N trình bày: vào năm 2020, ông có vay tín dụng tại A chi nhánh Q số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay: chăn nuôi trồng trọt, thời hạn vay: 03 năm như A chi nhánh Q trình bày. Sau khi nhận giải ngân, ông đã trả được 10.074.000 đồng tiền gốc và 24.484.496 đồng tiền lãi. Sau đó, do điều kiện làm ăn gặp khó khăn nên ông không trả nợ cho A chi nhánh Q như thỏa thuận. Nay A chi nhánh Q khởi kiện yêu cầu ông trả nợ gốc 89.926.000 đồng, nợ lãi trong hạn 9.783.456 đồng, nợ lãi quá hạn 3.779.972 đồng tính đến ngày 03/6/2024 thì ông sắp xếp trả cho ngân hàng trước ngày 07/6/2024, nếu ông không trả nợ đúng hạn thì Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: ông Năm cư t tại thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ theo hợp đồng tín dụng, vì vậy quan hệ pháp luật giải quyết là *"tranh chấp hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng: hợp đồng tín dụng số 4206LAV202000857 ngày 17/7/2020 được ký kết giữa A chi nhánh Q với ông N trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ

năng lực hành vi dân sự. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo hợp đồng hợp đồng tín dụng số 4206LAV202000857 ngày 17/7/2020, ông N phải trả nợ gốc và lãi theo phân kỳ trả nợ như sau: ngày 17/7/2021 trả 5.000.000 đồng tiền gốc; ngày 17/7/2022 trả 5.000.000 đồng tiền gốc; ngày 17/7/2023 trả 90.000.000 đồng tiền gốc và trả lãi 06 tháng/kỳ. Tuy nhiên, đến ngày 17/7/2023, ông N trả được 10.074.000 đồng tiền gốc và 24.484.496 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 17/7/2023 đến nay, ông N không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào. Như vậy, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tại bản tự khai, ông N thừa nhận nợ như trên và ông sắp xếp trả cho ngân hàng trước ngày 07/6/2024. Tuy nhiên, ông N đã không thực hiện trả nợ theo cam kết. Do đó, A khởi kiện yêu cầu ông N trả cho A tổng số tiền là 104.543.408 đồng, trong đó nợ gốc 89.926.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.345.186 đồng, nợ lãi quá hạn 4.060.836 đồng, lãi chậm trả 211.386 đồng, tính đến ngày 28/6/2024 là có căn cứ.

A chỉ yêu cầu ông N trả nợ, không yêu cầu bà L trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ của bà L.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 116, 117, 401, 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N có nghĩa vụ trả cho A tổng số tiền là 104.543.408 đồng, trong đó nợ gốc 89.926.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.345.186 đồng, nợ lãi quá hạn 4.060.836 đồng, lãi chậm trả 211.386 đồng, tính đến ngày 28/6/2024.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 401, 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 về *"tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

1. Ông Lưu Văn N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 tổng số tiền là 104.543.408 đồng, trong đó nợ gốc 89.926.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.345.186 đồng, nợ lãi quá hạn 4.060.836 đồng, lãi chậm trả 211.386 đồng, tính đến ngày 28/6/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lưu Văn N phải chịu là 5.227.170 đồng. Trả lại Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.513.508 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010359 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/6/2024), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ